

Số: **281**/BC-STNMT

Thái Nguyên, ngày **16** tháng **12** năm 2022

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Thực hiện Công văn số 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

#### I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2022

##### 1. Công tác cải cách hành chính

Thực hiện Chương trình công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2022, Sở đã chủ động xây dựng và ban hành các nội dung công tác CCHC gắn với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Trong đó tập trung xây dựng và ban hành các văn bản để tăng cường công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên và môi trường<sup>1</sup>.

Công tác sắp xếp lại bộ máy tổ chức biên chế theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đến nay, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở có cơ cấu tổ chức đúng quy định, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Trong năm 2022, Sở đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 11 công chức, viên chức; điều động, luân chuyển cán bộ theo yêu cầu công tác đối với 01 viên chức. Trong kỳ báo cáo, Sở có 58 công chức, viên chức nâng lương thường xuyên; 13 công chức, viên chức nâng lương trước thời hạn; giải quyết chế độ hưu trí cho 02 công chức.

Thực hiện cơ chế 01 cửa: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 106.551 hồ sơ, trong đó số mới tiếp nhận trong kỳ: 103.898 hồ sơ, số từ kỳ trước chuyển qua: 2.653 hồ sơ; số hồ sơ trực tuyến tiếp nhận: 46.697 hồ sơ (chiếm 65% thủ tục hành chính nộp dịch vụ công mức độ 4); số hồ sơ giải quyết là 106.551 hồ sơ, trong đó: giải

---

<sup>1</sup>Quyết định số 01 ngày 04/01/2022 ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, Quyết định số 03/QĐ-STNMT ngày 05/01/2022 ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 37/QĐ-STNMT ngày 14/01/2022 Phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022; kế hoạch số 29/KH-STNMT ngày 27/04/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022; văn bản số 333/STNMT-VP ngày 28/01/2022 về việc quán triệt, tổ chức thực hiện Chương trình công tác theo chức năng nhiệm vụ và thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022.

quyết đúng hạn 106.189 hồ sơ (chiếm 99,66%), hồ sơ giải quyết quá hạn 362 hồ sơ (chiếm 0,34%).

## **2. Về quản lý đất đai.**

### *2.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

Công tác Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được quan tâm, chỉ đạo cơ bản đáp ứng được công việc UBND tỉnh giao... Trong năm, Sở đã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Chính phủ phê duyệt đối với các dự án đăng ký KHSD đất năm 2022 có sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa của 07 dự án với diện tích là 239,48 ha; rà soát các công trình, dự án đã đăng ký KHSD đất năm 2021, 2022 trong Quy hoạch tỉnh; phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh; rà soát bổ sung KHSD đất năm 2022 của UBND các huyện, thành phố báo cáo tại kỳ họp HĐND tỉnh.

Họp Hội đồng thẩm định bổ sung KHSD đất năm 2022; phối hợp cùng Ban kinh tế ngân sách-HĐND tỉnh kiểm tra thực địa các công trình, dự án bổ sung KHSD đất năm 2022 và các công trình, dự án bổ sung KHSD đất năm 2022 hồ sơ điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án công trình dự án sử dụng đất đến năm 2022 trên địa bàn các huyện: Đồng Hỷ, Phú Lương, Đại Từ, Phú Bình, Sông Công và TP Phổ Yên, Thái Nguyên.

### *2.2. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất.*

Sở đã tiếp nhận, thẩm định 73 hồ sơ có nhu cầu sử dụng đất với diện tích là 269,69 ha; 85 hồ sơ xin thuê đất, giao đất, trả đất, chuyển mục đích sử dụng đất... với diện tích là 296,19 ha. Trong đó: Có 40 hồ sơ xin thuê đất, với diện tích là 427,5 ha (trong đó 02 hồ sơ nhận chuyển nhượng tài sản...); 43 hồ sơ xin giao đất, với diện tích là 60,9 ha (trong đó có 17 hồ sơ giao đất có thu tiền); 05 hồ sơ xin trả đất cho địa phương quản lý theo quy hoạch với diện tích 62,25 ha; 02 hồ sơ thu hồi đất; 04 hồ sơ xin gia hạn sử dụng đất. Trình UBND tỉnh phê duyệt 87 hồ sơ. Số hồ sơ đang thẩm định là 05 (gồm: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm CN Quang Sơn 1 (đợt 2); Xây dựng Trụ sở cơ quan; Xây dựng Điểm dân cư xóm Trung tâm (đợt 4); Xây dựng cơ sở hạ tầng KĐT Yên Bình (đợt 5); khai thác cát sỏi làm VLXD thông thường mỏ cát sỏi khu vực Sông Cầu); trả lại 02 hồ sơ do đơn vị lập văn bản xin nhận lại hồ sơ để hoàn thiện lại. Tiếp nhận kết quả từ UBND tỉnh 81 Quyết định. Giao đất tại thực địa cho 80 dự án, đảm bảo kịp thời cho nhà đầu tư triển khai dự án; Ký 131 Hợp đồng thuê đất. Dự ước cả năm sẽ ký 189 Hợp đồng thuê đất.

### *2.3. Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN).*

Sở đã tiếp nhận 387 hồ sơ của tổ chức xin cấp đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích là: 259,05 ha. Trong đó gồm: 11 hồ sơ cấp lần đầu Giấy CN QSD đất với diện tích là 11,52 ha; 64 hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN

QSD đất với diện tích 189,27 ha; 309 hồ sơ nhận chuyển nhượng tài sản với diện tích là 57,45ha; hồ sơ thu hồi GCN QSD đất do cấp sai: 02 hồ sơ với diện tích là 0,042 ha; hồ sơ đính chính Giấy chứng nhận QSD đất: 01 hồ sơ với diện tích 0,77 ha. Trong đó: Số hồ sơ đã trình ký là 387 hồ sơ.

Trên địa bàn toàn tỉnh đã cấp được 291.106,31 ha, đạt 93,05% diện tích cần cấp (diện tích cần cấp toàn tỉnh là 312.858 ha theo kết quả thống kê đất đai năm 2018), trong đó: Diện tích đã cấp đối với các tổ chức là 67.880,45 ha, đạt 88,52% diện tích cần cấp; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cấp được 223.225,86 ha, đạt 94,52 % diện tích cần cấp.

#### *2.4. Về quản lý đất nông, lâm trường:*

Đối với diện tích đất trả ra của các công ty nông, lâm nghiệp: Tổng diện tích bàn giao về địa phương là 19.080 ha, trong đó: Diện tích UBND tỉnh đã có quyết định thu hồi và bàn giao cho địa phương là 12.725 ha, diện tích chưa bàn giao cho địa phương là 6.355 ha.

Với 12.725 ha đất đã được thu hồi và bàn giao cho UBND cấp huyện: UBND tỉnh đã có Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất đối với 4.573 ha (huyện Đồng Hỷ là 3.229/4.906 ha; huyện Võ Nhai là 1.340/1.646 ha; huyện Phú Bình là 04/1.411 ha). Sau khi được phê duyệt phương án sử dụng đất, UBND huyện Đồng Hỷ đã giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 120 hộ dân tại xã Cây Thị và xã Hợp Tiến với diện tích là 279 ha; UBND huyện Võ Nhai đã giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 135 hộ dân tại xã Dân Tiến với diện tích 796 ha. Đến nay còn lớn 8.152 ha đất chưa xây dựng phương án sử dụng đất các địa phương đang tiến hành lập phương án sử dụng đất để trình UBND tỉnh phê duyệt<sup>2</sup>. Nguyên nhân chưa lập được phương án sử dụng đất chủ yếu do diện tích đất thu hồi của các nông lâm trường từ trước năm 2000 không có bản đồ địa chính, việc thu hồi chỉ căn cứ vào văn bản trả đất và bản đồ lô, khoảnh do các nông, lâm trường lập nên chất lượng kém, không xác định được ranh giới, diện tích tại thực địa.

Đối với diện tích đất giữ lại của các công ty nông, lâm nghiệp: Hiện nay còn chưa thống nhất được ranh giới, mốc giới ở các xã: Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ; Vinh Sơn, Bình Sơn, thành phố Sông Công và xã Phúc Tân, Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên. Do đó đã làm chậm tiến độ thực hiện của TKKT-DT đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới đối với diện tích đất giữ lại để quản lý của các công ty.

#### *2.5. Về tài chính đất và bồi thường giải phóng mặt bằng.*

Tiếp nhận 16 hồ sơ đề nghị xác định giá đất, trong đó: Đã trình UBND tỉnh phê duyệt 10 hồ sơ, đang giải quyết 05 hồ sơ. Thẩm định hồ sơ phương án đấu giá QSD đất, quyết định đấu giá QSD đất: 02 hồ sơ. Tham mưu báo cáo UBND

<sup>2</sup>Thành phố Sông Công là: 32 ha; thành phố Phổ Yên là: 2.247 ha; huyện Đại Từ là: 1.748 ha; huyện Định Hoá: 73 ha; huyện Đồng Hỷ: 1.677 ha; huyện Phú Bình: 1.407 ha; huyện Phú Lương: 664 ha; huyện Võ Nhai: 306 ha.

tỉnh giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như: Xin ý kiến cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân không chấp hành quyết định thu hồi đất tại Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Điềm Thụy; hướng dẫn một số vướng mắc trong quá trình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên; giải quyết vướng mắc trong công tác BTGPMB Dự án ĐTXD đường Bắc Sơn.

### **3. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản.**

Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư mở sắt Đại Khai và mỏ than Minh Tiến. Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 10 mỏ đất san lấp; cấp 06 Giấy phép khai thác khoáng sản đất san lấp; thu hồi 02 Giấy phép khai thác khoáng sản.

Xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2022 và gửi Cục thuế tỉnh Thái Nguyên để thông báo cho các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2022; đơn đốc 28 Doanh nghiệp nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn nợ tính đến hết năm 2021.

Báo cáo UBND tỉnh xin chủ trương cho phép khai thác đất làm vật liệu san lấp trong diện tích Dự án đầu tư xây dựng công trình 05 khu vực, xin chủ trương cấp phép khai thác than hầm lò rìa moong lộ thiên mỏ than Khánh Hòa của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP. Trả lại 03 hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác; 01 hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác; 01 hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác. Thông báo chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản của 08 mỏ.

Tiếp tục phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh lập Dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra đợt 2.

### **4. Công tác quản lý tài nguyên nước, khí tượng thủy văn.**

Sở đã tiếp nhận, thẩm định 52 hồ sơ cấp phép tài nguyên nước, trong đó đã trình UBND tỉnh 42 hồ sơ, đang thẩm định 02 hồ sơ; 08 hồ sơ trả lại. Dự ước đến hết năm 2022, tham mưu cho UBND tỉnh cấp 50 Giấy phép tài nguyên nước. Trình UBND tỉnh ban hành 12 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; 01 quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đang thẩm định 04 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong đó đã trình UBND tỉnh phê duyệt 02 hồ sơ, 01 hồ sơ đang thẩm định, 01 hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền tài nguyên nước Công ty đã xin rút lại hồ sơ. Dự ước đến hết năm 2022, tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt 15 Quyết định phê duyệt tiền

cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Giám sát lấy mẫu nước tại 13 công trình quan trắc nước dưới đất thuộc Dự án vận hành hệ thống mạng lưới quan trắc nước dưới đất khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh thái nguyên tại Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 2/6/2022; ban hành Danh mục nguồn nước nội tỉnh (nguồn nước mặt) tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 25/8/2022. Phối hợp với đơn vị tư vấn lập Dự án “Điều tra, khảo sát, xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên địa bàn tỉnh thái nguyên”.

Tham mưu thực hiện hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới và Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2022 trên phạm vi toàn tỉnh. Đôn đốc các ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 21/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và triển khai thực hiện Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.

### **5. Công tác đo đạc, bản đồ và viễn thám**

Tổ chức thẩm định khối lượng, lập hồ sơ nghiệm thu sản phẩm công đoạn đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các phường Mỏ Chè, Châu Sơn, TP. Sông Công và các xã Tân Thành, Bảo Lý, Thanh Ninh, Hà Châu, Lương Phú huyện Phú Bình. Phối hợp với đơn vị tư vấn giám sát tổ chức kiểm tra rà soát toàn bộ sản phẩm đo đạc các xã, phường, thị trấn, đôn đốc các đơn vị thi công hoàn thiện sản phẩm để bàn giao theo quy định. Đến nay đã bàn giao xong 4/9 xã, phường thành phố Sông Công, 10/20 xã, thị trấn huyện Phú Bình.

Theo dõi, đôn đốc công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính đối với đất lâm nghiệp tại 22 xã huyện Định Hóa, 14 xã, huyện Võ Nhai. Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu khối lượng sản phẩm đo vẽ chi tiết ngoại nghiệp 10 xã huyện Định Hóa, 5 xã huyện Võ Nhai.

Tiếp tục đôn đốc hoàn thiện công tác đo đạc phân đất các công ty nông, lâm nghiệp trả về địa phương quản lý tại 5 xã, huyện Đông Hỷ và các địa phương khác theo TKKT-DT đã phê duyệt; đôn đốc đo đạc bổ sung diện tích đất trả ra tại xã Minh Đức, TP Phổ Yên theo chỉ đạo của UBND tỉnh và báo cáo rà soát của UBND TP Phổ Yên.

Thẩm định 13 TKKT-DT đo đạc bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường, GPMB để thực hiện 26 dự án, công trình trên địa bàn các xã, phường, thành phố Phổ Yên, các huyện Đông Hỷ, Phú Bình; thẩm định bản đồ phục vụ bồi thường, GPMB cho 29 dự án với diện tích 435,58ha thuộc các TP Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên và các huyện Đại Từ, Đông Hỷ, Phú Bình, Phú Lương. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của CTCP tư vấn quốc tế kiến trúc xây dựng và thương mại AEC; Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường.

## 6. Công tác quản lý bảo vệ môi trường

Năm 2022, Sở đã chủ động tham mưu, ban hành văn bản, cụ thể hóa các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (BVMT), như: Tham mưu xây dựng, ban hành các quy định về bảo vệ môi trường<sup>3</sup>, trong đó Quy định bảo vệ môi trường trong chăn nuôi đã được ban hành<sup>4</sup>; tham mưu triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định liên quan. Đồng thời, đã tích cực tham mưu cho UBND tỉnh tăng cường thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn, trong đó đã tập trung đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, triển khai Luật như: Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, địa phương triển khai 12 Hội nghị triển khai các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định liên quan; phối hợp với Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường huy động nguồn lực hỗ trợ từ Công ty Honda Việt Nam tổ chức chương trình Tết trồng cây tại huyện Võ Nhai, với sự tham gia 150 đại biểu, trồng 1100 cây tại công viên cây xanh, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai; huy động nguồn lực hỗ trợ từ Công ty Toyota hỗ trợ trồng cây và 2 sân chơi trên diện tích khoảng 700m<sup>2</sup> cho Trường Tiểu học Tân Khánh và Trường Tiểu học Xuân Phương, huyện Phú Bình....

Đã tiếp nhận và giải quyết 222 lượt (tương đương với cùng kỳ năm 2021) của 137 hồ sơ<sup>5</sup>, trong đó số lượng hồ sơ ĐTM tăng 28% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó: đã thực hiện xong quy trình, trình phê duyệt, xác nhận: 63 hồ sơ; đang giải quyết: 58 hồ sơ; trả lại: 13 hồ sơ.

Bên cạnh đó, trong năm số lượng hồ sơ tham gia góp ý chủ trương đầu tư tăng cao: 157 lượt (tăng 30,8% so với cùng kỳ năm 2021); đồng thời phát sinh thêm nhiệm vụ đăng tải tham vấn ĐTM với 66 lượt đăng tải làm gia tăng khối lượng công việc phải giải quyết. Nhìn chung công tác thực hiện TTHC được giải quyết đúng quy trình. Tuy nhiên, trước tháng 7/2022 do chưa có hướng dẫn thực hiện khi chưa có quy định về việc thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường nên có nhiều hồ sơ cấp giấy phép môi trường phải xin gia hạn.

Tổ chức giám sát việc thực hiện đợt 1, 2, 3, 4/2022 của chương trình quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Trên cơ sở kết quả quan trắc hiện trạng môi trường đã phát hiện một số cơ sở xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra ngoài môi trường. Theo đó, Sở đã kịp thời ban hành các văn bản đôn đốc và yêu cầu các đơn vị báo cáo nguyên nhân và đề nghị thực hiện các giải

<sup>3</sup> Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt; chất thải xây dựng; chất thải y tế; lưu chứa, thiết bị định vị, tuyến đường, thời gian vận chuyển đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại; vị trí, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại I.

<sup>4</sup> Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 14/7/2022

<sup>5</sup> Tiếp nhận, giải quyết: 147 lượt 72 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (tăng 28% so với cùng kỳ năm 2021); 05 kế hoạch BVMT; 06 hồ sơ vận hành thử nghiệm; 02 hồ sơ XNHT; 01 hồ sơ CTPHMT; 61 lượt 51 hồ sơ giấy phép môi trường.

pháp khắc phục, kiểm soát ô nhiễm nguồn thải, lập hồ sơ kiến nghị xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là các trang trại chăn nuôi.

Tiếp tục vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động và duy trì chế độ quan trắc môi trường định kỳ theo mạng lưới quan trắc môi trường giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2022, đã hoàn thiện kết nối đối với 06 đơn vị (gồm: 06 nguồn thải, 02 giếng nước dưới đất) nâng tổng số đơn vị đã kết nối quan trắc tự động lên 20/32 đơn vị, hoàn thiện kết nối bổ sung các thông số còn thiếu cho 01 đơn vị (01 nguồn thải), đã thực hiện kiểm tra điều kiện kết nối đối với 02 đơn vị (02 nguồn thải, 02 giếng nước dưới đất). Triển khai dán tem niêm phong để thực hiện giám sát bảo mật và tính toàn vẹn của dữ liệu quan trắc tự động đối với 11 đơn vị.

Tiếp nhận, xem xét gần 520 lượt báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các đơn vị, theo đó ban hành văn bản đôn đốc, hướng dẫn đối với các báo cáo không đảm bảo nội dung, không thực hiện báo cáo theo quy định.

Tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế về công tác bảo vệ môi trường, Sở tiếp tục phối hợp với Văn phòng KOICA Việt Nam và các sở, ngành liên quan thống nhất các nội dung Biên bản thảo luận hợp tác giữa UBND tỉnh với KOICA trong khuôn khổ Dự án "Thiết lập hệ thống quản lý chất thải bền vững của tỉnh Thái Nguyên thông qua giảm thiểu và thu hồi tài nguyên từ chất thải"; tổ chức buổi làm việc với Công ty TNHH Samsung Engineering Việt Nam để thống nhất các nội dung tiếp theo sau Dự án.

Đối với công tác xây dựng nông thôn mới: Đã đánh giá, xác nhận mức đạt chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới cho 15 xã<sup>6</sup>; xây dựng và hướng dẫn thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí về môi trường, chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; phối hợp Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham gia hội nghị hướng dẫn xây dựng NTM huyện Định Hoá, Phú Bình; tiếp tục phối hợp cùng Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tổ chức làm việc, kiểm tra, hướng dẫn các xã đăng ký về đích NTM đảm bảo đúng tiến độ trong năm 2022.

Thực hiện công tác đôn đốc ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, tính Từ ngày 01/01/2022 đến 25/10/2022 đã có 83 mỏ/62 đơn vị thực hiện ký quỹ với số tiền 25.673.966.989 đồng. Nâng tổng số tiền tiếp nhận ký quỹ từ năm 2010 đến nay là trên 238,95 tỷ đồng tỷ đồng.

---

<sup>6</sup> Các xã: Bộc Nhiêu, Kim Phượng, Trung Lương, Bình Long, Yên Ninh; Văn Hán; Tân Cương, Đồng Liên; Đông Cao; An Khánh, Tân Đức, Tiên Hội, Trung Thành, Đức Lương, Túc Tranh

## **7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo.**

### *7.1. Công tác thanh tra, kiểm tra*

Trong năm 2022, Sở đã tập trung hoàn thiện các kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị đã tiến hành triển khai thanh tra, kiểm tra cuối năm 2021. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022... Trong kỳ báo cáo, tổng số cuộc thực hiện trong kỳ 49 cuộc đối với 165 tổ chức, các nhân, trong đó: Kỳ trước chuyển sang 29 cuộc đối với 48 đơn vị, triển khai mới trong kỳ 20 cuộc với 117 đơn vị; theo kế hoạch là 13 cuộc với 13 đơn vị, đột xuất là 36 cuộc với 152 đơn vị. Đến nay, đã hoàn thiện kết luận, thông báo kết luận đối với 33 cuộc đối với 50 đơn vị, đang hoàn thiện kết luận/thông báo kết luận 16 cuộc đối với 115 đơn vị.

Trong kỳ báo cáo, Chánh Thanh tra Sở đã xử phạt vi phạm hành chính các tổ chức, cá nhân vi phạm với số tiền 5.302.000.000 đồng, truy thu nghĩa vụ tài chính với số tiền: 823.036.534 đồng; kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với 13 tổ chức, cá nhân với số tiền 4.261 triệu đồng.

### *7.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo:*

Sở đã tiếp nhận 499 đơn trong đó: Kỳ trước chuyển sang 09 đơn: 01 vụ khiếu nại (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở xác minh); 03 vụ tố cáo (02 vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở xác minh, 01 vụ thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở) và 05 đơn đề nghị (Thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở); tiếp nhận trong kỳ 490 đơn, khiếu nại 28 đơn, tố cáo 20 đơn, đề nghị, phản ánh 442 đơn. Số đơn đủ điều kiện xử lý 432 đơn gồm: khiếu nại 25 đơn, tố cáo 18 đơn, phản ánh kiến nghị 389 đơn, Số đơn không đủ điều kiện xử lý do trùng lặp, đơn nặc danh, đơn không rõ nội dung và địa chỉ: 67 đơn.

Đối với 432 đơn đủ điều kiện xử lý có: khiếu nại 25 đơn, tố cáo 18 đơn, phản ánh kiến nghị 389 đơn.

Kết quả giải quyết:

- Khiếu nại: Đã giải quyết 23 đơn, đang giải quyết 02 đơn
- Tố cáo: Đã giải quyết 17 đơn, đang giải quyết 01 đơn.
- Kiến nghị, đề nghị, phản ánh: 398 đơn, đã giải quyết 378 đơn, đang giải quyết 20 đơn.

### *7.3. Công tác tiếp dân:*

Tổng số lượt được tiếp 110 lượt, tổng số người được tiếp là 123 người, không có lượt tiếp đoàn đông người. Hàng tuần Lãnh đạo Sở tiếp công dân định kỳ vào thứ 6 hàng tuần, và Giám đốc Sở tiếp công dân vào ngày 20 hằng tháng. Lãnh đạo Sở tiếp công dân cùng với Bí thư Tỉnh ủy 01 ngày/tháng và Chủ tịch

UBND tỉnh 01 ngày/tháng tại Trụ sở tiếp công dân của Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo quy định.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt đạt được:**

- Công tác quản lý đất đai tiếp tục được quan tâm, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của Doanh nghiệp và các địa phương trong quá trình quản lý và sử dụng đất; thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cơ bản đảm bảo tiến độ của các dự án. Tăng cường đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng giảm các bước, quy trình xử lý công việc, công khai, minh bạch tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; cung cấp cho người dân và doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4. Hệ thống một cửa điện tử của Sở từng bước được hoàn thiện, đảm bảo kết nối liên thông, tích hợp với cổng dịch vụ công tỉnh và cổng dịch vụ công quốc gia.

- Giải quyết tháo gỡ các vướng mắc trong công tác BTGPMB một số dự án trên địa bàn. Tổ chức xác định giá đất cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt cơ bản đáp ứng cho công tác đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường GPMB khi Nhà nước thu hồi đất.

- Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước được tăng cường. Các hoạt động khoáng sản về cơ bản đã từng bước được chấn chỉnh, đi vào nề nếp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác triển khai, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về tài nguyên nước được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện, qua đó đã từng bước nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của mọi đối tượng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo cơ bản đã được giải quyết đúng quy định. Sở thường xuyên chủ động phối hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện, xã xử lý đơn thư khiếu nại trong lĩnh vực Tài nguyên Môi trường ngay từ khi mới phát sinh nên đã hạn chế đáng kể tình trạng công dân gửi đơn vượt cấp.

### **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:**

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 và thông kê đất đai năm 2021 nhìn chung còn chậm so với kế hoạch.

- Việc triển khai thực hiện Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn còn gặp khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện. Tình trạng khai thác khoáng sản (cát sỏi, đất san lấp,...) trái phép với quy mô nhỏ, ở một số nơi vẫn còn dễ xảy ra, chưa được xử lý triệt để.

- Việc xem xét, rà soát báo cáo công tác bảo vệ môi trường còn chưa được kịp thời do số lượng báo cáo đơn vị gửi về lớn. Việc xem xét giải quyết TTHC về cấp giấy phép môi trường còn phải xin gia hạn tiến độ thực hiện do trước tháng 7/2022 chưa có quy định về thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường, sau khi

có quy định về thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường số lượng hồ sơ dồn về nhiều cùng thời điểm. Còn tồn tại một số đơn vị chậm thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm mặc dù đã có văn bản đôn đốc, nhắc nhở.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023**

#### **1. Công tác cải cách hành chính**

Thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Tiếp tục cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mới đảm bảo trên 80% TTHC đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công mức độ 4 theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030. Đồng thời cập nhật, chỉnh sửa, xây dựng mới các quy trình điện tử phục vụ việc quản lý, theo dõi, giám sát công tác giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở

#### **2. Công tác quản lý đất đai**

- Tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đảm bảo đúng thời gian, kịp tiến độ các dự án. Thực hiện ký hợp đồng thuê đất sau khi có quyết định xác định đơn giá thuê đất của Cục thuế tỉnh hoặc Sở Tài chính và giao đất ngoài thực địa cho các đơn vị sau khi giải phóng mặt bằng.

- Rà soát các đơn vị, tổ chức được thuê đất phải ký lại hợp đồng thuê đất trong năm 2023. Tham mưu việc kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất của tổ chức được giao, cho thuê đất. Xây dựng kế hoạch kiểm tra một số đơn vị được giao đất, thuê đất.

- Để khắc phục những hạn chế trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong thời gian tới, Sở tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành cần phải tăng cường công tác chỉ đạo lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- Thẩm định, tổng hợp KHSD đất năm 2023 do cấp huyện gửi đến báo cáo UBND tỉnh, TT UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua KHSD đất năm 2023 tại kỳ họp cuối năm.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng phôi Giấy chứng nhận; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc cấp Giấy chứng nhận đối với các huyện, thành phố, thị xã; kịp thời giải quyết và tham mưu cho UBND tỉnh quyết định giải quyết vướng mắc trong công tác cấp GCN tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thẩm định hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chuyển, tham mưu trình UBND tỉnh quyết định cấp GCN cho các tổ chức theo quy định.

- Tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### **3. Công tác đo đạc, bản đồ và viễn thám**

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, hướng dẫn thi hành Luật Đo đạc và Bản đồ, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung đôn đốc các đơn vị thi công hoàn thành bàn giao sản phẩm công đoạn đo đạc ở các xã, phường, thị trấn. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc thi công; rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu ngoại nghiệp; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo tiến độ hoàn thành của các đơn vị thi công.

### **4. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản**

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Tiếp tục tăng cường phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra, ngăn chặn, giải toả các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Báo cáo kết quả UBND tỉnh;

- Tiếp tục tổ chức thực hiện việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án thăm dò, báo cáo thăm dò khoáng sản; thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản.

### **5. Công tác quản lý tài nguyên nước và khí tượng thủy văn**

- Tiếp tục tổ chức phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức xin cấp phép tài nguyên nước; Thực hiện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

- Tiếp tục thực hiện thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh: Tiến hành họp tổ chuyên viên và Hội đồng thẩm định theo quy định; Triển khai thông báo tới các đơn vị phải tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước lập hồ sơ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường. Triển khai thực hiện cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

- Tiếp tục đôn đốc triển khai thực hiện công tác vận hành mạng lưới quan trắc nước dưới đất khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên.

### **6. Công tác bảo vệ môi trường**

- Tiếp tục tham mưu thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2025 và các Chỉ thị về môi trường; đôn đốc các sở,

ngành, UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện theo năm. Tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; xây dựng, tham mưu trình ban hành, tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt. Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn trong Chương trình số 26-CTr/TU ngày 25/8/2022 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Tăng cường đôn đốc các đơn vị thực hiện các thủ tục đánh giá tác động môi trường, đôn đốc các tổ chức, cá nhân lập các thủ tục hồ sơ cấp phép môi trường theo quy định;

- Thực hiện giám sát quan trắc môi trường năm 2023 theo kế hoạch trong Dự án mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh đã được duyệt; tổ chức giám sát việc thực hiện quan trắc môi trường theo Dự án mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh đã được duyệt; theo dõi kết quả quan trắc môi trường tự động của doanh nghiệp và của các hệ thống quan trắc môi trường tự động của tỉnh để kịp thời tham mưu biện pháp kiểm soát ô nhiễm;

- Tiếp tục phối hợp với tổ chức KOICA triển khai các nội dung trong khuôn khổ dự án "Thiết lập hệ thống quản lý chất thải bền vững của tỉnh Thái Nguyên thông qua giảm thiểu và thu hồi tài nguyên từ chất thải".

- Tổ chức tập huấn bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tham mưu hỗ trợ các xã nông thôn mới theo đề nghị của UBND huyện Định Hóa, Phú Bình; hướng dẫn UBND huyện Định Hóa, Phú Bình hoàn thành tiêu chí môi trường xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

### **7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- Tiếp tục thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra năm 2022 đã phê duyệt. Tập trung, chú trọng đến công tác thanh tra, kiểm tra đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng chưa thực hiện dự án và đi vào hoạt động. Các tổ chức cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong xả thải gây ô nhiễm môi trường, khai thác nước không có giấy phép, khai thác khoáng sản vượt công suất...;

- Phối hợp với Thanh tra tỉnh và thanh tra các Sở, Ban, ngành xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 theo đúng quy định, tránh trùng lặp, chồng chéo trong công tác thanh tra, phát hiện các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên môi trường và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật;

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra đối với các đơn vị, tổ chức đã có Kết luận thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Tiếp tục tham mưu thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND về tăng cường sự lãnh đạo của tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Lưu VT,VP.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đặng Văn Huy**

**Phụ lục 01: Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành tài nguyên và môi trường\***



STT	Nội dung	Tổng số hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý		Hồ sơ đang xử lý
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn	
1	Lĩnh vực đất đai	106265	56986	46628	5918	103201	322	2742
2	Lĩnh vực khoáng sản	31	3	28	5	25	1	5
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	54	14	40	32	46	4	4
4	Lĩnh vực môi trường	169	115	52	87	98	11	60
5	Lĩnh vực biển và hải đảo	0	0	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	32	28	0	0	32	0	0
<b>Tổng số</b>		<b>106551</b>	<b>46697</b>	<b>57201</b>	<b>6042</b>	<b>103402</b>	<b>338</b>	<b>2811</b>

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

**Phụ lục số 02: Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường đóng góp vào Ngân sách Nhà nước**

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (Trồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai	8.593.200	
2	Lĩnh vực khoáng sản	693.300	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	-	
4	Lĩnh vực môi trường	1.120.000	
5	Lĩnh vực biển và hải đảo	-	
6	Lĩnh vực khí tượng thủy văn	-	
7	Lĩnh vực đo đạc và Bản đồ	-	
8	Thu từ cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực TN&MT	Dự ước: 1.900.000	
	<b>Tổng số</b>	<b>12.306.500</b>	

**Phụ lục 03: Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra**

STT	Nội dung	Số lượng (đoàn/cuộc)	Kết quả xử lý/kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra				
			Thu hồi đất (ha)	Thu hồi giấy phép	Xử phạt vi phạm hành chính (đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính (đồng)	Hình thức xử lý khác
<b>1</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra (*)</b>	<b>10</b>				<b>12.566.000</b>	
-	Lĩnh vực đất đai	10				12.566.000	
-	Khoáng sản						
-	Tài nguyên nước						
-	Môi trường						
-	Nhiều lĩnh vực						
<b>2</b>	<b>Kết quả công tác kiểm tra (*)</b>	<b>39</b>			<b>5.302.000.000</b>	<b>810.470.534</b>	
-	Lĩnh vực đất đai	3			385.000.000	810.470.534	
-	Khoáng sản	3			2.640.000.000		
-	Tài nguyên nước	0			0		
-	Môi trường	28			2.277.000.000		
-	Nhiều lĩnh vực	3			0		
-	Hậu kiểm	2			0		
	<b>Tổng số</b>	<b>49</b>			<b>5.302.000.000</b>	<b>823.036.534</b>	

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

## Phụ lục 04: Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo\*

STT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022		Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2022	Kết quả giải quyết		Số lượt tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyển cấp có thẩm quyền	
	<b>Tổng số</b>	490	423	09	432	334	98	110
-	Lĩnh vực đất đai	465	399	8	407	314	93	110
-	Khoáng sản	4	3	0	0	0	0	0
-	Tài nguyên nước	0	0	0	0	0	0	0
-	Môi trường	19	19	1	20	17	3	0
-	<b>Độc đặc</b>	2	2	0	2	0	2	0

Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

**Phụ lục số 05: Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục  
đích sử dụng đất, cấp GCN**

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Vào mục đích phi nông nghiệp
<b>I</b>	<b>Giao đất không thu tiền sử dụng đất</b>	90,4		90,4
<b>II</b>	<b>Giao đất có thu tiền sử dụng đất</b>	47,56		47,56
<b>III</b>	<b>Cho thuê đất</b>	133,45		133,45
<b>IV</b>	<b>Cho phép chuyển mục đích</b> Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	88,29		88,29
<i>1</i>	<i>Đất trồng lúa</i>	88,29		88,29
<i>2</i>	<i>Đất rừng</i>	0		
2.1	Rừng phòng hộ	0		
2.2	Rừng đặc dụng	0		

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

**Phụ lục 06: Kết quả cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai**

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022			Trong đó: cấp trong năm 2022		Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy	Số giấy chứng nhận đã cấp	Diện tích cấp mới lần đầu	Số giấy cấp mới lần đầu	
<b>1. Kết quả cấp giấy chứng nhận</b>							
1	Đất nông nghiệp	290063,94	277873,975		1856,50	5145	
2	Đất phi nông nghiệp	25714,57					
	Trong đó: Đất ở	12611,14	12671,65		60,51	2663	
<b>Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai</b>							
STT	Chỉ tiêu	Số huyện lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022				Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư	Đã cung cấp dịch vụ công	Kết nối liên thông với Thuế và tổ chức tín dụng		
1	Số đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành	6				Đã kết nối liên thông với thuế	
	Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công	6				Đã kết nối liên thông với thuế	
	Dự kiến hoàn thành trong năm 2022	3				Đã kết nối liên thông với thuế	
2	Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai						

**Phụ lục 07: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh**

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả		Tăng, giảm so với năm 2021
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1.	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị	3	75	Không thay đổi
2.	Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu	4	57,14	
3	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục	Cơ sở	22	66,67	Tăng 16,67%
	Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Khu	2	28,57	Không thay đổi
4.	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung	Cụm	2	13,33	Không thay đổi <sup>7</sup>
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý triệt để	Cơ sở			
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn		830		
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn	620	74,69	
-	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn	590	95,16	
-	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học..	Tấn			Chưa thực hiện điều tra, khảo sát, chưa có số liệu
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn	210	25,3	

<sup>7</sup> Có 15/37 CCN đã đi vào hoạt động, trong đó có 02/15 CNN đã có HTXL nước thải tập trung, các CNN chưa có HTXL nước thải tập trung thì các cơ sở thứ cấp hoạt động trong CNN đều có công trình xử lý chất thải đảm bảo quy định hiện hành.

-	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn	130	61,9	
-	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học..	Tấn			Chưa thực hiện điều tra, khảo sát, chưa có số liệu
7	Số lượng các trạm quan trắc nước thải/khí thải tự động, liên tục	Trạm	44	69,84	Tăng 23,69%
8	Số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường đã phát hiện và được xử lý	Vụ việc	28	100	
	Trong đó: Giải quyết vụ việc được phản ánh thông qua đường dây nóng về môi trường		1	3,5	
	Số lượng vụ việc được phản ánh, kiến nghị	Vụ việc	26	92,85	
	Số lượng vụ việc đã được giải quyết dứt điểm	Vụ việc	27	96,46	
9	Số huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường nông thôn mới		4	44,44	Tăng 11,11%
10.	Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học				
10.1.	Khu Bảo tồn				
	Số lượng	Khu	3		
	Diện tích	Ha	35.652		
10.2.	Di sản thiên nhiên				
	Số lượng	Khu	3		
	Diện tích	Ha	35.652		
10.3.	Hành lang đa dạng sinh học				
	Số lượng	Khu			

	Diện tích	Ha			
10.4.	Cơ sở bảo tồn				
	Số lượng	Khu			
	Diện tích	Ha			